

Vĩnh long, ngày 01 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ
NĂM 2018 & KẾ HOẠCH NĂM 2019

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

1. Những thuận lợi và khó khăn trong năm 2018:

a. Thuận lợi

- Công ty được sự quan tâm hỗ trợ nhiều mặt từ các phòng, ban chức năng thuộc Tổng Công ty; sự hỗ trợ, giúp đỡ từ lãnh đạo các Công ty thành viên và đặc biệt là sự chỉ đạo sát sao, kịp thời từ Hội đồng Quản trị đã giúp Công ty hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.
- Việc vận hành sản xuất – giao hàng theo S&OP đã bước đầu giúp cho Nhà máy giảm phần nào chi phí hàng tồn kho, chủ động trong điều tiết kế hoạch sản xuất, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chung cho đơn vị.
- Nhà máy có vị trí địa lý thuận lợi cho việc phân phối giao nhận hàng và là trung tâm tiêu thụ lớn của khu vực đồng bằng Sông Cửu Long. Bên cạnh đó, quỹ đất trống của Nhà máy còn lớn, cũng sẽ thuận lợi cho đơn vị trong việc mở rộng quy mô sản xuất khi Tổng công ty có nhu cầu.

b. Khó khăn:

- Trong năm 2018, thuế TTĐB tiếp tục được chính phủ điều chỉnh tăng cũng làm ảnh hưởng nhiều tới lợi nhuận của Công ty.
- Sản lượng bia Tổng công ty giao năm 2018 được phân bổ chủ yếu ở sản phẩm bia chai, các sản phẩm bia lon chỉ chiếm chưa tới 50% với năng lực sản xuất của dây chuyền chiết lon. Điều này làm giảm hiệu quả đầu tư của dây chuyền chiết lon cũng như ảnh hưởng đến dòng tiền thu về từ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Có nhiều thời điểm, lượng giao hàng thấp hơn nhiều so với thông báo lệnh làm ảnh hưởng đến dòng tiền thu về, Công ty phải tăng nguồn vay ngắn hạn để chi trả cho nhà cung cấp và nộp thuế nhà nước.

2. Các chỉ tiêu tài chính năm 2018:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Kế hoạch ĐHCĐ 2018 (1)	Thực hiện 2018 (2)	Tỷ lệ TH/KH ĐHCĐ (%) (3)=(2)/(1)
1	Sản lượng sản xuất	lít	84.898.000	88.838.479	105%
	Trong đó: Sản lượng bia xuất khẩu			1.904.990	
2	Sản lượng tiêu thụ	lít	84.898.000	88.639.016	104%
	Trong đó: Sản lượng bia xuất khẩu			1.616.155	
3	Doanh thu thuần	đồng	670.415.368.374	735.949.131.057	110%
	Trong đó: Doanh thu bia xuất khẩu			25.002.223.394	
4	Chi phí SXKD	đồng	610.634.556.496	644.715.447.198	106%
5	LN T. Thuế	đồng	59.780.811.878	91.233.683.859	153%
	Trong đó: Lợi nhuận bia xuất khẩu			3.467.871.105	
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	40	61	

3. Các giải pháp để đạt được kết quả như trên:

a. Các giải pháp liên quan đến công tác sản xuất, quản trị nội bộ:

- **Công tác bảo trì và nâng cấp thiết bị:** Công tác bảo trì là một công tác thường xuyên và quan trọng, đảm bảo cho sự hoạt động ổn định trong quá trình sản xuất, Lãnh đạo Công ty luôn theo dõi, phân công, chỉ đạo Xưởng Động lực – Bảo trì phối hợp với các đơn vị có kế hoạch mua dự phòng các thiết bị đầu mỗi quý; có lịch xích bảo trì thiết bị máy móc theo đúng tần suất, đảm bảo máy luôn hoạt động tốt và không gặp phải sự cố lớn nào trong quá trình sản xuất.
- **Công tác cung ứng NVL:** Lập kế hoạch cung ứng và thực hiện mua hàng dự phòng các nguyên vật liệu đầu vào đảm bảo việc sản xuất liên tục với giá cả hợp lý, chất lượng đạt tiêu chuẩn và số lượng phù hợp tiết kiệm chi phí cho Công ty, giá mua nguyên vật liệu phù hợp với giá thị trường cũng như giá mua của các nhà máy khu vực Miền Tây
- **Công tác kiểm soát nguyên vật liệu đầu vào:** Công ty tuân thủ đúng quy trình kiểm tra chất lượng hàng nhập kho theo quy định của Tổng công ty tại “Yêu cầu kỹ thuật nguyên vật liệu đầu vào – BSG-BKT/PL-31” và Kế hoạch kiểm soát chất lượng Tổng thể trong quá trình sản xuất bia Sài Gòn – BSG-BKT/PL-30”. Nguyên vật liệu trước khi đưa vào sử dụng đều có giấy xác nhận chất lượng của Ban Kiểm soát chất lượng/Công ty.

- **Công tác kiểm soát chất lượng bán thành phẩm – thành phẩm:** Công ty được Tổng Công ty giao sản xuất 05 sản phẩm bia chai Sài Gòn Export, bia chai Sài Gòn Special, bia chai Sài Gòn Lager, bia lon Sài Gòn Special, bia lon Lager. Công ty tuân thủ tuyệt đối quy trình công nghệ do Tổng Công ty chuyển giao, kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, sản phẩm bia các loại do Công ty sản xuất luôn ổn định chất lượng tốt theo giá trị mong muốn/tiệm cận giá trị mong muốn và an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn Tổng công ty ban hành. Kết quả cảm quan do Hội đồng cảm quan của Tổng Công ty thực hiện trong năm 2018 các sản phẩm bia do Công ty sản xuất luôn đạt loại tốt.
- **Các giải pháp cải tiến đã thực hiện nhằm mục tiết giảm năng lượng, giảm định mức KTKT, hao phí và tối ưu hóa quy trình sản xuất:** Trong năm 2018, Ban điều hành đã tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp sáng kiến nhằm kéo giảm các định mức kinh tế kỹ thuật, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các chỉ tiêu trọng yếu đã đạt được như: Định mức malt giảm 0.47%-0.54%; Định mức gạo giảm 0.4%-0.72%; Định mức điện giảm 13,18%; Định mức hơi giảm 26,26%.



b. Các giải pháp liên quan đến công tác thị trường:

- Công ty liên kết chặt chẽ với Tổng Công ty, phối hợp nhịp nhàng với Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn - Sông Tiên, Sông Hậu và các chi nhánh để việc xuất hàng nhanh chóng, luân chuyển vỏ chai thuận lợi và hiệu quả nhất.
- Tiếp tục củng cố quan hệ thân thiết với chính quyền, lãnh đạo sở ban ngành địa phương để nhận được sự hỗ trợ giúp đỡ, ưu đãi từ chính quyền như: giảm giá thuê đất từ hơn 3 tỷ đồng xuống còn hơn 2 tỷ đồng.

c. Các giải pháp tài chính

- Giảm tối đa chi phí tồn kho;
- Sử dụng hiệu quả vốn vay ngắn hạn;
- Luân chuyển dòng tiền hợp lý

4. Công tác nhân sự, tiền lương và an sinh xã hội

- a. Về công tác nhân sự:** Tính đến thời điểm 31/12/2018 tổng lao động là 133 lao động so với tháng 01/2018 là 143 lao động. Trong đó, lao động định biên giảm 10 người.
- b. Về tiền lương:** Do tăng năng suất và giảm định biên lao động nên thu nhập bình quân người lao động trong năm 2018 là 17,3 triệu đồng so với 15,3 triệu đồng so với năm 2017, tăng 13 %.
- c. Về đào tạo:** Tổng chi phí đào tạo: 146 triệu đồng (Do một số hợp đồng thực hiện đến năm 2019), gồm các lớp:
 - Đào tạo An toàn vệ sinh lao động theo định kỳ do Trung tâm kiểm định An toàn khu vực 2 đào tạo gồm: nhóm 1: 18 người; nhóm 2: 12 người; nhóm 4: 23 người.
 - Đào tạo An Toàn PCCC: 50 người;
 - Đào tạo An toàn phóng xạ: 12 người;

- Đào tạo nhận thức BRC: 15 người
- Đào tạo nhận thức ISO 50001:2018: 44 người
- Đào tạo anh ngữ giao tiếp: 31 người
- Tập huấn chương trình phát triển bền vững: 13 người

d. Về công tác an sinh xã hội: Tham gia các hoạt động từ thiện xã hội: Tài trợ chi phí xây nhà tình nghĩa, gia đình có thành viên bệnh hiểm nghèo, tặng quà cho các trẻ em, người khuyết tật tại trung tâm bảo trợ bệnh nhân nghèo tỉnh Vĩnh Long với nguồn quỹ phúc lợi năm 2018 là: 280.000.000 đ.

5. Công tác môi trường: Công ty duy trì thường xuyên việc cấp hơi nóng từ năng lượng tái tạo để giảm chi phí hơn khi sử dụng dầu FO và bảo vệ môi trường. Đã lắp đặt thiết bị giám sát trực tuyến chất lượng nước thải nhằm đảm bảo kiểm soát tiêu chuẩn xả thải ra môi trường và đã kết nối trực tuyến về sở tài nguyên môi trường theo yêu cầu; duy trì tốt môi trường xanh - sạch - đẹp.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2018:

Tổng mức đã thực hiện đầu tư năm 2018: 47.828.791.016 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ tám trăm hai mươi tám triệu bảy trăm chín mươi một ngàn không trăm mười sáu đồng*) nhằm nâng công suất 100 triệu lít và bổ sung thiết bị theo cấu hình thiết bị của SABECO (đã được thông qua tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-SAVIBECO-HĐQT ngày 18/01/2018) đã hoàn thành:

- 02 Tank lên men đứng 288m³;
- 01 Xe nâng hàng;
- Xây dựng 05 phòng làm việc mới.
- Máy rửa chai công suất 36.000 chai/ giờ và hệ thống băng tải chai;
- Xây dựng 06 bộ móng tank lên men

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ NĂM 2019 :

1. Các chỉ tiêu SXKD chính năm 2019:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thực hiện 2018 (1)	Kế hoạch 2019 (2)	Tỷ lệ TH/KH ĐHCĐ (%) (3)=(2)/(1)
1	Sản lượng sản xuất	lít	88.838.480	85.049.410	96%
	Trong đó: Sản lượng bia xuất khẩu		1.904.990		
2	Sản lượng tiêu thụ	lít	88.639.016	85.049.410	96%
	Trong đó: Sản lượng bia xuất khẩu		1.616.155		
3	Doanh thu thuần	đồng	735.949.131.057	673.922.503.252	92%

	Trong đó: Doanh thu bia xuất khẩu		25.002.223.394		
4	Chi phí SXKD	đồng	644.715.447.198	605.383.178.595	94%
5	LN T. Thuế	đồng	91.233.683.859	68.539.324.657	75%
	Trong đó: Lợi nhuận bia xuất khẩu		3.467.871.105		
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	61	46	

2. Các công tác và giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019:

Trong năm 2019, ngoài việc kế thừa các kết quả quản trị điều hành của năm 2018, Ban điều hành Công ty đã đề ra các giải pháp mang tính chất đổi mới, phù hợp với tầm nhìn chung của Sabeco trong công tác quản trị sản xuất kinh doanh với các trọng tâm chính như sau:

a. Trọng tâm số 1: Tuân thủ các yêu cầu của Luật định, ĐHĐCĐ, Tổng công ty và HĐQT Công ty:

- Tuân thủ triệt để các yêu cầu Luật định có liên quan đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị đặc biệt là các nghĩa vụ về thuế và môi trường.
- Nghiêm chỉnh thực hiện các chủ trương chung của Tổng công ty về công tác sản xuất kinh doanh cũng như các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

b. Trọng tâm số 2: Công tác lập kế hoạch sản xuất – mua hàng:

- Bám sát tình hình sản xuất giao hàng theo S&OP của Tổng công ty để lập kế hoạch sản xuất tối ưu trong đó có việc mua nguyên vật liệu phù hợp, đảm bảo mức tồn kho hợp lý nhằm tiết kiệm các chi phí sản xuất kinh doanh chung cũng như giữ ổn định chất lượng hàng tồn kho tại đơn vị.
- Tăng cường kiểm soát chất lượng đầu vào của nguyên vật liệu, trong đó chú trọng đến các mặt hàng mà Nhà máy tự mua như gạo và một số mặt hàng khác nhằm nâng cao hiệu suất thu hồi trên các công đoạn sản xuất.
- Tiếp tục rà soát giá mua nguyên vật liệu đầu vào nhằm kéo giảm chi phí sản xuất chung cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

c. Trọng tâm số 3: Công tác bảo trì và nâng cấp thiết bị:

- Thực hiện tốt hơn công tác quản lý bảo trì toàn diện TPM, nâng cao kỹ năng chẩn đoán cũng như chú trọng bảo trì phòng ngừa nhằm đảm bảo độ ổn định và tính tin cậy của máy móc thiết bị; giảm thiểu thời gian dừng máy gián đoạn sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động toàn chuyên, kéo giảm giá thành chung cho nhà máy.
- Chú trọng công tác phục hồi vật tư phụ tùng hư hỏng, làm nguồn dự phòng, giảm thiểu chi phí mua mới.
- Xây dựng cẩm nang bảo trì làm cơ sở cho hoạt động bảo trì, sửa chữa trở nên chuyên nghiệp và hiệu quả hơn.

d. Trọng tâm số 4: Công tác quản lý chất lượng sản phẩm, định mức Kinh Tế-Kỹ Thuật, nghiên cứu – sáng kiến và vấn đề môi trường:

- Tiếp tục duy trì việc tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt của Bia Sài Gòn thông qua vận hành có hiệu quả các tiêu chuẩn ISO mà Công ty đang áp dụng.
- Tiếp tục rà soát, thực hiện các giải pháp sáng kiến, cải tiến nhằm giảm hao phí, đưa định mức KTKT đạt mức tốt hơn năm 2018.
- Áp dụng thành công các công cụ quản trị sản xuất như Kaizen và Lean 6 Sigma nhằm loại bỏ các công đoạn dư thừa, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất cũng như giảm thiểu sản phẩm không phù hợp.
- Nghiên cứu, ứng dụng và nâng cao hàm lượng tự động hóa quá trình sản xuất nhằm giảm sự can thiệp của con người trong quá trình sản xuất cũng như giảm chi phí lao động.
- Nhanh chóng triển khai công trình thu hồi nước mưa từ các mái nhà xưởng để sử dụng cho các mục đích sinh hoạt và vệ sinh hàng ngày nhằm kéo giảm định mức nước sử dụng trên đơn vị sản phẩm cũng như chủ động ứng phó với các nguy cơ tăng phí sử dụng tài nguyên nước ngầm.
- Tham gia cùng Tổng công ty trong chiến lược sử dụng năng lượng sạch mà trước hết là nghiên cứu, lắp đặt pin năng lượng mặt trời cung cấp một phần năng lượng điện cho Nhà máy.

e. Trọng tâm số 5: Công tác nhân sự - đào tạo:

- Triển khai xây dựng hệ thống đánh giá nhân viên theo KPIs nhằm làm cơ sở cho việc tuyển dụng, phân phối lại thu nhập cho người lao động theo hướng công bằng hơn dựa trên hiệu quả đóng góp.
- Tiếp tục đào tạo nâng cao năng lực quản lý và năng lực chuyên môn cho đội ngũ đồng thời triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn liền với mục tiêu, chiến lược của công ty.
- Tiếp tục tăng cường chăm lo đời sống vật chất và tinh thần CBCNV trong công ty.

f. Trọng tâm số 6: Công tác kiểm soát chi phí tài chính

- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí sản xuất kinh doanh của đơn vị tuân theo Luật định và các chủ trương chung của Tổng công ty.
- Sử dụng hiệu quả dòng tiền dựa trên cơ sở vừa đảm bảo nhu cầu vốn lưu động vừa giảm thiểu chi phí tài chính, lãi vay.
- Kiểm soát hợp lý chi phí tồn kho.

g. Trọng tâm số 7: Công tác thị trường

- Tiếp tục quan hệ hợp tác để tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ từ Tổng Công ty và các đơn vị trong hệ thống Bia Sài Gòn; sự ủng hộ chính quyền địa phương tại các tỉnh Miền Tây
- Phối hợp chặt chẽ với Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền và Sông Hậu trong các công tác hỗ trợ bán hàng và quan hệ địa phương.

3. Công tác đầu tư năm 2019:

- Hệ thống sản xuất nước khử khí công suất 50hl/giờ: 6 tỷ đồng.
- Đầu tư mua mới máy thanh trùng bia chai, máy dán nhãn công suất phù hợp dây chuyền chai 33.000 chai/giờ và cụm băng tải chai đi kèm với giá trị khoảng 50 tỷ đồng.

IV. KIẾN NGHỊ:

1. Nhằm mang lại hiệu quả cho cổ đông và đóng góp trách nhiệm, lợi ích đối với xã hội, cộng đồng, kính mong Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn, Công ty TNHH MTV Thương Mại Bia Sài Gòn tiếp tục hỗ trợ giúp đỡ Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Vĩnh Long hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm 2019 và trong các năm tới.
2. Tổng công ty xem xét có chính sách cho các đơn vị gia công được trả chậm chi phí mua nguyên vật liệu trong thời hạn khoảng 45 ngày (thời gian tương ứng tính từ lúc nhập nguyên vật liệu đến lúc sản xuất – giao hàng).

Trân trọng./.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Phong

